

TAM TẠNG KINH ĐIỂN TRUNG HOA

Tam tạng kinh điển Trung Hoa được gọi chung là “Đại Tạng Kinh”. Ấn bản hoàn chỉnh đầu tiên của Đại Tạng Kinh hoàn thành vào năm 983 sau Công nguyên và được gọi là Thư bản. Ấn bản này gồm 480 cuốn với 1076 kinh. Về sau còn có nhiều ấn bản khác. Ấn bản chuẩn hiện nay là Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, xuất bản ở Tokyo từ năm 1924 đến năm 1929, gồm có 55 tập với 2184 kinh, kèm theo 45 tập phụ lục.

Khi truy tìm nguồn gốc của các tông phái Phật giáo trên thế giới ngày nay, có thể nói một cách sơ lược về sự phân chia tông phái như sau:

1. Kinh điển Phật giáo đã phát triển dần theo thời gian. Tạng Kinh và Tạng Luật được biên soạn và lưu hành sớm nhất. Khoảng đầu thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên các vị nghiên cứu Kinh A Hàm cùng các vị theo truyền thống Thanh Văn đã biên soạn A-tỳ-đàm, nhấn mạnh vào phương diện thực tại của lý duyên sinh. Trong khi đó, kinh điển Đại thừa được biên soạn bởi những học giả chú trọng đến Phật tánh cùng công hạnh của các vị Bồ-tát, xem tánh không như là thiết yếu để thực sự thấu hiểu lý duyên sinh.

Vào thế kỷ thứ 3, ngài Long Thọ (Nagarjuna) trước tác bộ luận nổi tiếng của ngài về học thuyết trung quán (Madhyamika), giải thích A-hàm và A-tỳ-đàm trên cơ sở kinh điển Đại thừa của Không tông. Cũng trong thời gian đó, một số kinh điển Đại thừa có khuynh hướng duy tâm, bản thể luận như Kinh Thắng Man Phu Nhân Sư Tử Hống (Srimaladeve-Simhanada Sutra) bắt đầu xuất hiện, theo sau là các kinh như Kinh Lăng-già (Lankavatara Sutra), v.v..... Cùng với sự phát triển này, một số hành giả của Nhất Thiết Hữu bộ (Sravastivada) đã chấp nhận khía cạnh “duy tâm” của Đại thừa. Họ trước tác một số bộ luận của Du-già tông hay Duy thức tông và dần dần phát triển thành một tông phái lớn của Đại thừa. Sau đó, vào khoảng thế kỷ thứ 5 trong Duy thức tông lại có một nhánh đi xa hơn trong phương pháp du-già bí truyền. Nếu theo sát quá trình phát triển của Phật giáo như đã sơ lược mô tả trên đây, có thể dễ dàng thấy được sự hình thành của những hệ thống kinh điển và học thuyết hết sức đa dạng của các tông phái.

2. Về mặt học thuyết, thoạt tiên Phật giáo chỉ là Phật giáo và không hề có một sự phân phái nào. Mãi cho đến đầu Tây Lịch vẫn chưa hề có sự phân chia ra Thanh Văn thừa và Bồ-tát thừa. Chỉ trong kinh điển của Bồ-tát thừa mới xuất hiện sự phân chia Tiểu thừa và Đại Thừa.

Vào thế kỷ thứ 2 và 3, Duy Thức Bản Thể Luận bắt đầu xuất hiện trong Bồ-tát Thừa. Trong những bộ kinh đó lần đầu tiên những từ như “Bản Thể”, “Tánh Không”, “Trung Quán”, “Tiểu Thừa”, “Đại Thừa”, và “Nhất Thừa” được tìm thấy. Những kinh điển xuất hiện muộn này nhấn mạnh vào sự thành tựu Phật tánh, và vì vậy được gọi là Phật Thừa.

Đầu thế kỷ thứ 5, một “Thừa” khác, “Đà-la-ni Thừa”, tách ra từ trường phái bản thể luận của Phật giáo. Tông phái này phân Phật pháp ra Tam Tạng, Tạng Ba-la-mật (bao gồm tất cả giáo pháp phổ truyền của các tông phái khác) và Tạng Đà-la-ni (nói là Tam Tạng, nhưng trong bản tiếng Anh chỉ nhắc đến 2 Tạng). Họ còn phân giáo pháp tùy theo cách thực hành như Tứ Đế, Lục Độ v.v...

Cách phân loại này cho thấy sự đa dạng và sự phát triển của Phật giáo, đồng thời cũng thống nhất với cách phân chia theo 3 giai đoạn phát triển lịch sử của Thái Hư Đại Sư. Cách phân chia đó như sau:

- 500 năm đầu tiên sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, Tiểu Thừa rất thịnh hành trong khi Đại Thừa chỉ như kẻ đứng sau hậu trường. Trong giai đoạn này Tam Tạng Pali là tiêu biểu của Phật giáo.

- 500 năm thứ hai, Đại Thừa vượt trội lên với Tiểu thừa trong vai thứ yếu. Tam tạng kinh điển của Trung Hoa phản ánh sự phát triển của Phật giáo trong giai đoạn này.
- 500 năm thứ 3, Phật giáo Mật tông dẫn đầu, vượt hẳn các tông phái phổ truyền khác. Tam tạng kinh điển của Tây Tạng là thành quả của giai đoạn này.

Phật giáo Trung Hoa là bộ mặt của Phật giáo trong giai đoạn 500 năm thứ hai, nói cách khác, nó hình thành trên nền tảng của Bồ-tát thừa, là gạch nối của Thanh văn thừa trước đây và Phật thừa sau này; vì vậy nó đã nối kết lịch sử Phật giáo một cách hữu hiệu.

Vì nó đóng một vai trò then chốt trong lịch sử phát triển của Phật giáo, Tam tạng Trung Hoa đáng được chú ý đặc biệt đối với những ai quan tâm đến sự phát triển hiện nay của Phật giáo thế giới. Tam tạng kinh điển Trung Hoa gồm có:

a) A-hàm (Agamas): Bốn bộ A-hàm thuộc về Nhất Thiết Hữu Bộ. Bộ Trung A-hàm (Madhyamagama) và bộ Tạp A-hàm (Samyuktagama) được dịch từ nguyên bản của Nhất Thiết Hữu Bộ trong khi bộ Trường A-hàm (Dirghagama) và bộ Tăng Nhất A-hàm (Ekottaragama) được dịch từ nguyên bản của Đại Chúng Bộ (Mahasamghika) và Phân Tích Bộ (Vibhajyavada). Mặc dù không phải là một hệ thống giáo lý hoàn chỉnh của một tông phái nào, (trong khi Tam Tạng Pali tiêu biểu cho một hệ thống hoàn chỉnh), nhưng kinh điển của các tông phái đều có sự đóng góp của nó.

b) Luật (Vinaya): Trong khi Tam Tạng Tây Tạng chỉ có những điều luật mới của phái Tamrasatiya, tạng Luật của Trung Hoa bao gồm các phần sau:

- Luật của Đại Chúng Bộ.
- 5 phần của Luật Hóa Địa Bộ (Mahisasaka), 4 phần của Luật Pháp Tạng Bộ Dharmagupta), Giới Bốn Pratimoksa của Mahakasyapiyah và Luật Thiện Kiến của Tamrasatiya. Tất cả phần này là những điều luật của Phân Tích Bộ.
- Luật của Nhất Thiết Hữu Bộ cũ và Luật của Căn Bản Nhất Thiết Hữu Bộ mới, cả hai đều thuộc về Nhất Thiết Hữu Bộ.
- Bộ Luận Thuyết Minh 21 điểm của phái Sammatiya thuộc Độc Tử Bộ (Vatsiputriyas). Sự tập hợp các tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau như vậy rất thuận lợi cho việc nghiên cứu tỷ giáo các tông phái Phật giáo.

c) A-tỳ-đàm (Abhidharma): Tạng này tương tự như tạng Luận của 3 tông phái chính của Thượng Toạ Bộ (Theravada), đó là Phân Tích Bộ, Nhất Thiết Hữu Bộ và Độc Tử Bộ.

Trong khi Tam tạng Pali chỉ có 7 bộ Luận, Tam tạng Trung Hoa không chỉ bao gồm các bộ Luận của Nhất Thiết Hữu Bộ mà còn cả các bộ Luận của các tông phái khác. Tạng luận của Tam tạng Trung Hoa gồm có:

- The Samgitiparyaya, the Dharmas-kandha, the Prajnapti, the Vijnanakaya, the Dhatukaya, the Prakaranapada, Jnanaprasthana, Mahavibhasa, the Abhidharmahrda-yavyakhya, Abhidharmananyanusara, và Abhidharmasamayapradipika Sastras của Hữu Bộ (Sarvastivada).

Xin xem thêm ở bài A Tỳ Đàm Hữu Bộ của tỳ kheo GN, cũng trong mục Nghiên Cứu Phật Học của trang nhà Theravad.

- Bộ A-tỳ-đạt-ma Luận (Abhidharma Sastra) của ngài Sariputta thuộc Phân Tích Bộ, là bộ luận quan trọng duy nhất phối hợp A-tỳ-đàm của 2 bộ phái Nam truyền và Bắc truyền.
- Giải Thoát Đạo Luận (Vimutti-magga), một phiên bản của bộ Thanh Tịnh Đạo Luận (Visuddhimagga).
- Bộ Luận Chánh Lượng Bộ (Sammitiya) của Độc Tử Bộ.
- Bộ A-tỳ-đạt-ma-câu-xá nổi tiếng (thuộc thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 4) thu tóm những giáo lý cao siêu của cả hai bộ phái Nhất Thiết Hữu Bộ và Kinh Lượng Bộ (Sautrantika), cùng với bộ Thành Thật Luận (Satyasiddhi Sastra) của Harivarman vốn có ảnh hưởng rất lớn đến Phật giáo Trung Hoa.

Tất cả những kho tàng quý báu này của A-tỳ-đàm đều tìm thấy trong Tam tạng Trung Hoa.

Có thể thấy rằng mặc dù các bản kinh cổ nhất của Tam tạng Trung Hoa không được đa số Phật tử Trung Hoa đánh giá đúng mức, lượng tư liệu phong phú mà nó chứa đựng có giá trị tham khảo rất quý giá cho những ai muốn truy nguyên sự phân phái cũng như sự phát triển của lý tưởng Bồ-Tát từ Thanh Văn Thừa.

d) Trung Quán: Những tác phẩm trung quán trong Tam tạng Trung Hoa khác biệt đáng kể so với bản dịch của Tây Tạng. Các bộ luận của Trung Hoa chủ yếu là những tác phẩm cổ điển, đặc biệt là của ngài Long Thọ, như bộ Đại Trí Độ Luận (Mahaprajnaparamita Sastra) và bộ Thập Trú Tỳ Bà Sa Luận (Dasabhumikavibhasa Sastra), là những bộ luận trình bày triết lý Trung Quán trong một trình tự chặt chẽ và minh họa rõ nét hành trạng của một vị Bồ-tát.

Trong những tác phẩm trung luận xuất hiện về sau, tức là những bộ luận do các đệ tử của ngài Long Thọ viết sau khi hệ thống Duy Thức ra đời, chỉ có bộ Bát Nhã Đăng Luận (Prajnapradipa Sastra) của ngài Bhavaviveka được dịch sang tiếng Trung Hoa. Tam tạng Trung Hoa không có nhiều tác phẩm cũng như nhiều trường phái của hệ thống này như Tam Tạng Tây Tạng. Bộ Nhiếp Đại Thừa Luận (Mahayanavataraka Sastra) của ngài Sthiramati và bộ Biện Trung Biên Luận (Madhyayata Sastra) của ngài Asanga cho thấy sự thay đổi trong tư tưởng từ trung quán đến duy thức.

e) Kinh điển Đại thừa của Pháp Tướng Tông hay Duy Thức Tông là một hệ thống rất hoàn chỉnh trong Tam tạng Trung Hoa. Những bộ kinh này rất giống với những bộ của Tam tạng Tây tạng. Bốn bộ kinh quan trọng, Bát Nhã Ba-la-mật (Prajnaparamita), Hoa Nghiêm (Avatamsaka), Đại Tập (Mahasamghata) và Đại Bát Niết Bàn (Mahaparinirvana), đều là những tác phẩm đồ sộ. Tam tạng Trung Hoa có đầy đủ các tác phẩm của hệ thống này với các tác phẩm quan trọng như Thập Trú Luận (Dasabhumika), Nhiếp Đại Thừa Luận (Mahayanasamparigraha Sastra), và Thành Duy Thức Luận (Vijnaptimatrasid-dhi Sastra). Trong khi các hệ thống Duy Thức ở Tây tạng chủ yếu dựa trên giáo lý của Sthiramati vốn rất tương tự với Nhiếp Đại Thừa Luận của Trung Hoa, những người theo Duy Thức Tông chính thống ở Trung Hoa lại theo những giáo lý của Dharmapala.

Thành Duy Thức Luận, bộ luận tiêu biểu cho hệ thống triết học của Dignaga, Dharmapala và Silabhadra, là một viên ngọc quý trong Tam tạng Trung Hoa. Nhân Minh Luận (Hetuvidya), vốn gắn bó mật thiết với Duy Thức Tông, không được dịch đầy đủ trong Tam tạng Trung Hoa và không thể sánh với những tác phẩm của Dignaga và Dharmakirti được lưu trữ trong Tam tạng Tây tạng. Điều này cho thấy người Trung Hoa không có thiên hướng về logic, và không quan tâm nhiều đến việc lý luận và tranh biện. Trong quá khứ điều này cũng đã dẫn đến việc đặt các luận sư Trung Hoa vào những vị trí không mấy quan trọng.

f) Du-già bí truyền: Tam tạng Trung Hoa bao gồm những bản dịch của cả hai bộ kinh là Kinh Đại Nhật (Vairocana Sutra) trong phần thực hành và Kinh Kim Quang Đảnh (Diamond Crown Sutra) (Sanskrit equivalent?) trong phần Du-già của Phật giáo Mật tông. Những bộ kinh bí truyền bị bỏ sót không được dịch là những bộ thuộc phần Du-già tối thượng, bởi vì những bộ kinh đó được du nhập vào Trung Hoa trong thời điểm đất nước loạn lạc nên không có cơ hội để lan truyền rộng rãi. Mặt khác chính chủ trương đạt giác ngộ qua phương tiện xác thịt cũng là nguyên nhân khiến Mật tông không được giới trí thức Trung Hoa chấp nhận. Tuy vậy, những tác phẩm Du-già bí truyền lại rất phong phú trong Tam tạng Tây tạng.

Có thể nói kinh điển Trung Hoa nổi bật với những tính chất sau đây:

1. Những bản dịch khác nhau của cùng một bộ kinh được duy trì và bảo tồn trong Tam tạng kinh điển Trung Hoa một cách chính xác, không bị hiệu đính hay sửa đổi theo những bản dịch xuất hiện sau, như trong trường hợp kinh điển Tây Tạng. Từ sự nghiên cứu các bản dịch Trung Hoa chúng ta có thể truy ra được sự thay đổi trong nội dung mà hầu hết các bộ kinh đều phải trải qua theo thời gian, đồng thời phản ánh sự thay đổi trong các bản kinh gốc của Ấn độ ở các thời điểm khác nhau. Như vậy chúng ta có nhiều phiên bản ghi lại được sự biến thái của các bộ kinh để tham khảo.

2. Những bộ kinh Đại thừa Trung Hoa được phiên dịch trước đời Trịnh (bắt đầu từ năm 265 sau Công nguyên) có quan hệ rất đặc biệt đến Phật giáo Trung Hoa Turkestan với trung tâm ở vùng núi Kashmir. Những bộ kinh này hình thành nên cốt lõi của tư tưởng Phật giáo Trung Hoa. Bản dịch của Thập Địa Luận (Dasabhumika Sastra) và Kinh Lăng Già (Lankavatara Sutra) đều mang những tính cách rất đặc biệt.

Qua đây có thể thấy rằng Tam tạng Trung Hoa bao gồm chủ yếu các kinh điển Đại thừa thuộc giai đoạn 500 năm thứ hai sau khi Đức Phật nhập Niết bàn. Tuy nhiên các bản dịch không chỉ giới hạn trong giai đoạn này mà các bộ kinh của thời Phật giáo nguyên thủy cũng chiếm một phần khá quan trọng.

Như vậy, nếu có một kiến thức đầy đủ về Tam tạng Trung Hoa, và mở mang thêm tri kiến về Tam tạng Pali của Thanh văn thừa, Trung luận, cũng như pháp Du-già tối thượng của Tây tạng, thì không khó khăn gì để có được một cái nhìn toàn diện và chính xác về 1700 năm phát triển của Phật giáo Ấn độ vốn được ghi lại và bảo tồn trong ba hệ thống tư tưởng chính hiện còn tồn tại của Phật giáo.

Thái Hư Đại Sư từng nói: “Hình thành một hệ thống mới có tính cách chọn lọc và toàn diện, dựa trên Tam tạng Trung Hoa, giáo lý nguyên thủy của Tích Lan, và một phần tinh túy của kinh điển Tây tạng, sẽ là mục tiêu của việc ghi lại lịch sử Phật giáo Ấn độ.” Hơn thế nữa, đó còn là mục tiêu của

việc phối hợp và liên kết các nhánh của Phật giáo thế giới. Trách nhiệm của chúng ta là loại bỏ những điều thêm thắt và duy trì tinh túy của các bộ Tam tạng quý báu, làm cho Phật giáo thích nghi với xã hội hiện đại để nó có thể làm tròn sứ mạng dẫn đường cho chúng sinh đau khổ trong kỷ nguyên hiện tại.

LIỄU PHÁP
Delhi, Ấn Độ / 2003